

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671004 - Hóa học đại cương  
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0)      Lần thi : 1  
Năm học : 2013-2014      Học kỳ : 1

| STT | Họ và tên         |        | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |                   |        |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 1   | Phạm Văn          | Nam    | 3575030640 | 20/11/1993 | ,00         |             |           | Nợ HP   |
| 2   | Lê Mạnh           | Cường  | 3575031480 | 25/04/1993 | ,00         |             |           | Nợ HP   |
| 3   | Phạm Ngọc         | Trung  | 3575031791 | 16/02/1993 | ,00         |             |           | Nợ HP   |
| 4   | Trần Bình         | Tâm    | 3671031492 | 02/09/1993 | ,00         |             |           |         |
| 5   | Võ Trường         | Sinh   | 3671040796 | 01/04/1994 | ,00         |             |           | Nợ HP   |
| 6   | Trần Văn          | Thành  | 3771020712 | 26/04/1995 | 10,00       | 1,50        | 4,10      |         |
| 7   | Phan Đình         | Hiếu   | 3771020869 | 19/02/1995 | 7,50        | ,50         | 2,60      |         |
| 8   | Nguyễn Tấn        | Chí    | 3771020888 | 25/08/1995 | 5,50        | 6,30        | 6,10      |         |
| 9   | Nguyễn Trung      | Thượng | 3771020890 | 04/02/1994 | 9,50        | 2,30        | 4,50      |         |
| 10  | Phan Tuấn         | Triều  | 3771020896 | 24/08/1995 | 9,50        | 3,80        | 5,50      |         |
| 11  | Đàm Duy           | Thành  | 3771020899 | 30/05/1994 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 12  | Nguyễn Văn        | Hậu    | 3771020929 | 02/01/1995 | 7,00        | 2,80        | 4,10      |         |
| 13  | Phạm Đăng         | Luân   | 3771020930 | 28/12/1994 | 6,50        | 1,00        | 2,70      |         |
| 14  | Nguyễn Hồng       | Lâm    | 3771020932 | 26/08/1992 | 9,50        | 9,00        | 9,20      |         |
| 15  | Trần Tấn          | Phát   | 3771020935 | 19/06/1995 | 9,00        | 6,30        | 7,10      |         |
| 16  | Trần Ngọc         | Thịnh  | 3771020938 | 14/04/1995 | 10,00       | 2,00        | 4,40      |         |
| 17  | Nguyễn Hoài       | Thương | 3771020955 | 03/09/1995 | 7,50        | ,50         | 2,60      |         |
| 18  | Diệp Phi          | Phước  | 3771020960 | 12/04/1994 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 19  | Cao Minh          | Nhật   | 3771020962 | 17/05/1993 | 9,00        | 5,50        | 6,60      |         |
| 20  | Ban Phước Hoàng   | Huy    | 3771020965 | 02/05/1995 | 6,00        | 2,00        | 3,20      |         |
| 21  | Trương Văn        | Minh   | 3771020966 | 26/05/1993 | 7,00        | 5,50        | 6,00      |         |
| 22  | Trương Quốc       | Thuận  | 3771020970 | 28/11/1995 | 9,50        | 3,80        | 5,50      |         |
| 23  | Nguyễn Hồng       | Phương | 3771020974 | 22/10/1994 | 8,50        | 4,50        | 5,70      |         |
| 24  | Nguyễn Chí        | Trương | 3771020975 | 20/09/1994 | 10,00       | 6,00        | 7,20      |         |
| 25  | Võ Minh           | Thường | 3771020976 | 19/08/1995 | 10,00       | 6,50        | 7,60      |         |
| 26  | Nguyễn Đức        | Đạt    | 3771020977 | 11/07/1995 | 7,50        | 4,80        | 5,60      |         |
| 27  | Trần Bình         | Thuận  | 3771020981 | 10/02/1995 | 8,50        | 5,50        | 6,40      |         |
| 28  | Nguyễn Tiên Hoàng | Tuấn   | 3771020982 | 20/08/1994 | 6,00        |             |           |         |
| 29  | Nguyễn Hồng       | Cương  | 3771020988 | 03/10/1994 | 7,00        |             |           |         |
| 30  | Lê Hữu            | Nhân   | 3771020991 | 01/01/1995 | 10,00       | 7,50        | 8,30      |         |
| 31  | Nguyễn Biện Thiên | Phú    | 3771020996 | 14/02/1995 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 32  | Trần Đỗ Tuấn      | Huy    | 3771020997 | 21/12/1995 | 7,00        | 2,00        | 3,50      |         |
| 33  | Võ Trí            | Trung  | 3771021004 | 14/02/1994 | 7,50        | 1,00        | 3,00      |         |
| 34  | Huỳnh Nguyên Đức  | Thuận  | 3771021023 | 08/01/1995 | 8,50        | 2,00        | 4,00      |         |
| 35  | Nguyễn Anh        | Tuấn   | 3771021028 | 07/03/1994 | 10,00       | 8,00        | 8,60      |         |

| STT | Họ và tên      |        | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|----------------|--------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |                |        |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 36  | Phùng Văn      | Ngọc   | 3771021030 | 25/06/1995 | 7,00        | 5,50        | 6,00      |         |
| 37  | Trần Thanh     | Sen    | 3771021035 | 20/05/1995 | 8,50        | 6,30        | 7,00      |         |
| 38  | Cao Ngọc Hoài  | Nam    | 3771021052 | 06/11/1994 | 8,00        | 5,00        | 5,90      |         |
| 39  | Võ Thanh       | Huy    | 3771021057 | 23/09/1992 | ,00         |             |           |         |
| 40  | Nguyễn Lưu Tấn | Phát   | 3771021089 | 08/09/1994 | 8,50        | 3,30        | 4,90      |         |
| 41  | Phan Trọng     | Son    | 3771021096 | 15/09/1995 | 8,50        | 1,50        | 3,60      |         |
| 42  | Nguyễn Văn     | Đức    | 3771021163 | 03/08/1994 | ,00         |             |           |         |
| 43  | Đoàn Ngọc      | Vinh   | 3771021164 | 23/10/1992 | 8,50        | 3,30        | 4,90      |         |
| 44  | Trương         | Phi    | 3771021190 | 22/12/1994 | 1,50        |             |           |         |
| 45  | Võ Lê          | Anh    | 3771021204 | 28/02/1995 | 10,00       | 5,30        | 6,70      |         |
| 46  | Phan Thành     | Công   | 3771021225 | 13/08/1995 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 47  | Hoàng Cao      | Vũ     | 3771021232 | 18/01/1995 | 5,00        | 4,50        | 4,70      |         |
| 48  | Phạm Văn       | Nối    | 3771021235 | 30/04/1995 | 9,50        | 8,00        | 8,50      |         |
| 49  | Lê Thành       | Trung  | 3771021251 | 08/11/1994 | 10,00       | 3,00        | 5,10      |         |
| 50  | Nguyễn Văn     | Hùng   | 3771021269 | 26/09/1992 | 10,00       | 3,30        | 5,30      |         |
| 51  | Hà Thế         | Phương | 3771021277 | 17/08/1995 | 10,00       | ,50         | 3,40      |         |
| 52  | Trần Văn       | Trường | 3771021303 | 12/05/1995 | 10,00       | 4,80        | 6,40      |         |
| 53  | Dương Công     | Cường  | 3771021305 | 30/08/1995 | 3,00        |             |           |         |
| 54  | Trần Minh      | Mẫn    | 3771021322 | 18/04/1994 | 8,50        | 2,00        | 4,00      |         |
| 55  | Nguyễn Ngọc    | Ty     | 3771021333 | 18/06/1992 | 10,00       | 7,00        | 7,90      |         |
| 56  | Đàm Phú        | Quốc   | 3771021346 | 16/12/1994 | 10,00       | 7,00        | 7,90      |         |
| 57  | Đặng Thanh     | Hà     | 3771021369 | 08/05/1995 | 10,00       | 5,30        | 6,70      |         |
| 58  | Trương Tuấn    | Kiệt   | 3771021408 | 14/11/1995 | ,00         |             |           |         |
| 59  | Phạm Quý       | Nghĩa  | 3771021421 | 28/03/1993 | 10,00       | 3,30        | 5,30      |         |

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm  
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo  
(Họ tên và chữ ký)